

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 4 – 2023
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Điệp;
2. Bà Lê Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Yến N, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Tấn C, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4A, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị Yến N trình bày:

Bà và ông Bùi Tấn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu bà và ông Bùi Tấn C

chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách chăm sóc, giáo dục con chung. Từ đó, hai người không còn tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Tấn C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Phan Yến V (nữ), sinh ngày 23/4/2019. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Yến V, không yêu cầu ông Bùi Tấn C cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Bùi Tấn C trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2023: Ông và bà N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và chăm sóc gia đình. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông đồng ý, vì ông đang chấp hành án nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Phan Yến V (nữ), sinh ngày 23/4/2019, trước đây sống bên gia đình ông mới về chung sống với bà Yến N. Ông đang chấp hành án nên không chăm sóc được cháu V, ông đồng ý giao cháu V cho bà N nuôi dưỡng, sau này chấp hành án xong, có đủ điều kiện nuôi con, ông sẽ làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa, bà N và ông Bùi Tấn C vắng mặt, có đơn xin yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Yến N; Về con chung: Giao cháu Bùi Phan Yến V (nữ), sinh ngày 23/4/2019 cho bà Phan Thị Yến N được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông Bùi Tấn C chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị Yến N và ông Bùi Tấn C tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang vào năm 2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do đó, bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Tấn C. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Phan Thị Yến N và ông Bùi Tấn C vắng mặt, phía bà N và ông Bùi Tấn C đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Bùi Tấn C, bà N là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N: Bà N và ông Bùi Tấn C chung sống với nhau và kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bất đồng về cách giáo dục và nuôi dạy con chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện nay, ông Có đang phải chấp hành án nên bà N có đơn yêu cầu xin ly hôn, ông Bùi Tấn C cũng đồng ý theo yêu cầu của bà N. Từ đó Hội đồng xét xử xét nhận thấy quan hệ hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N và ông Bùi Tấn C đều không có thiện chí đề hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông Bùi Tấn C.

[3.2] Về con chung: Bà Phan Thị Yến N và ông Bùi Tấn C cùng khai thống nhất ông, bà có 01 con chung là cháu Bùi Phan Yến V (nữ), sinh ngày 23/4/2019. Hiện tại, ông Bùi Tấn C đang phải chấp hành án không có điều kiện chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung nên dành quyền chăm sóc nuôi dưỡng cháu V cho bà Phan Thị Yến N, ông Có chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà N

không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Bùi Tấn C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung khi có điều kiện không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên cùng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Phan Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Yến N đối với ông Bùi Tấn C. Giấy chứng nhận kết hôn số 110 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Bùi Tấn C và bà Phan Thị Yến N không còn giá trị pháp lý

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Phan Yến V (nữ), sinh ngày 23/4/2019 cho bà Phan Thị Yến N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Bùi Tấn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Bùi Tấn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Yến N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0012350 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Diệp – Lê Thanh Xuân

Mạc Thị Chiên